

Bản án số: 670/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Sơn Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 377/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 351/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Lê Thị Thanh H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đùm B, sinh năm 1985;

Địa chỉ thường trú: Ấp 2, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện nay: Nhà không số, ấp 2, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H trình bày như sau:

Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Đùm B chung sống với nhau vào năm 2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2017 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/12/2017. Trong thời gian chung sống, vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã, nguyên nhân do ông B không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình. Từ lúc kết hôn cho đến nay, mọi chuyện trong gia đình từ chăm sóc con cái cho đến kinh tế đều do một mình bà H lo lắng, ông B không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bà H muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã nhiều lần nói chuyện để ông B thay đổi, tuy nhiên ông B vẫn như vậy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà H đã dẫn con về Đồng Nai để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 5 năm nay. Nay bà H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 03/02/2018. Bà Lê Thị Thanh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà H hiện đang làm nghề tóc tại gia đình ở Đồng Nai, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Do đó bà H có đủ khả năng để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Ông B không có công việc ổn định, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi nên không thể chăm sóc con chung được.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đùm B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Tòa án đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đùm B. Giao con chung Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 03/02/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Đùm B chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B, bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

- Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ngày 24/5/2024, nguyên đơn bà Lê Thị Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng ông Nguyễn Đùm B không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đùm B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường hay cãi vã, nguyên nhân do ông B là người ham chơi, không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế cho gia đình. Từ lúc kết hôn cho đến nay, mọi chuyện trong gia đình từ chăm sóc con cái cho đến kinh tế đều do một mình bà H lo lắng, ông B không có trách nhiệm với gia đình vợ con. Bà H muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đã nhiều lần nói chuyện để ông B thay đổi, tuy nhiên ông B vẫn như vậy dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà H đã dẫn con về Đồng Nai để sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 5 năm nay.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: “Công dân Nguyễn Đùm B, sinh năm 1985 có HKTT tại ấp 2 xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, có khai báo nơi ở hiện tại: Nhà không số, ấp 2, xã Đ, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, ông B không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc bà H yêu cầu ly hôn với ông B là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoa.

b) Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 03/02/2018. Bà Lê Thị Thanh H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Đ: “Ủy ban nhân dân xã Đa Phước không rõ mâu thuẫn gia đình của ông Nguyễn Đùm B và bà Lê Thị Thanh Hoa. Ông Nguyễn Đùm B và bà Lê Thị Thanh H có 01 con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 03/02/2018. Ủy ban nhân dân xã Đ không rõ nơi cư trú”.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Toà án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận ý kiến của bà Hoa, bà cho biết hiện đang làm nghề tóc tại gia đình ở Đồng Nai, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Do đó bà H có đủ khả năng để nuôi dưỡng và chăm sóc con. Ông B không có công việc ổn định nên không thể chăm sóc con chung được. Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho ông B Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, trong đó nêu rõ nội dung bà H yêu cầu nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên ông B không đến Toà án để làm việc và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu trên.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc yêu cầu nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đùm B. Giao con chung Nguyễn Lê Anh Khoa, sinh ngày 03/02/2018 cho bà H trực tiếp nuôi

dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh Hoa.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đùm B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 93/2017 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/12/2017 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là trẻ Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 03/02/2018 cho bà Lê Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đùm B không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông B thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0033083 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Bà Lê Thị Thanh H và ông Nguyễn Đùm B vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).



TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 22 tháng 8 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Huynh
2. Ông Phan Hoàng Nam

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với Vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Kiều Long Hồ, sinh năm 1985; địa chỉ: A16/1B Tô 2, Ấp 1, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị Bích Dung, sinh năm 1986; địa chỉ: A16/1B Tô 2, Ấp 1, xã Hưng Long, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG THẢO LUẬN

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, qua việc xem xét ý kiến của những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Long Hồ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiều Long Hồ được ly hôn với bà Đoàn Thị Bích Dung.

Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 1/2007 do Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/12/2007 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao hai con chung Kiều Ngọc Tường Vy, sinh ngày 01/01/2011 và Kiều Quốc Duy, sinh ngày 12/10/2016 cho ông Kiều Long Hồ trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ không yêu cầu bà Dung thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đoàn Thị Bích Dung không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở bà Dung thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Ông Kiều Long Hồ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Kiều Long Hồ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042804 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Hồ đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất.

Việc nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

